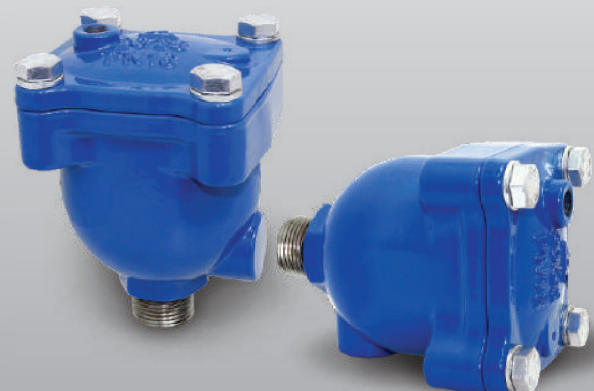


Mô Tả/Descriptions

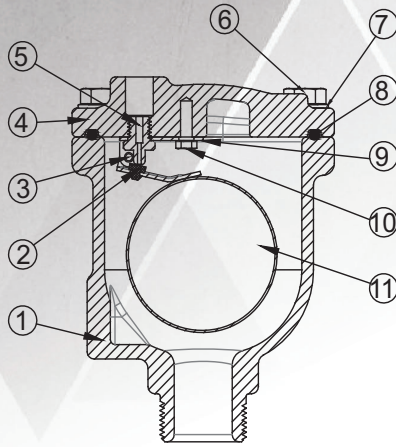
Van xả khí đơn thường được đặt trên đỉnh của đường ống, có tác dụng làm thoát khí nén trong hệ thống đường ống. Khoảng 2% lượng khí sẽ phân huỷ trong nước, điều này có thể nhìn thấy qua những bong bóng nổi lên trên nước và khí cũng thoát ra qua đường miệng phun. Thiết bị này có thể ngăn ngừa bong bóng xuất hiện trong dòng chảy, nhờ đó quá trình truyền tải dòng chảy được hiệu quả hơn.

Automatic air release valve is commonly installed in the peak of the pipeline, and used for exhausting the compressed air in pipeline system, generally there will be about 2% of dissolved air in water and it will release as bubbles and thru the air release valve nozzle. It can prevent the existence of bubble gap for flow, this can help a better efficiency for transmission of flow.

Mã Sản Phẩm Product Code	ARVT	
Kích Thước Size	DN15 - DN25	
Tiêu Chuẩn Thiết Kế Design Standard	BS EN 1074 - 4	
Kiểu Kết Nối Connection End	KẾT NỐI REN - BSPT, NPT THREADED - BSPT, NPT	
Tiêu Chuẩn Kết Nối Connection Standard	BS21	
Áp Suất Làm Việc Pressure Rating	PN10-PN16	
Sơn Phủ Paint Coating	Loại Sơn Type	EPOXY RESIN POWDER
	Tiêu Chuẩn Standard	JIS K 5551:2002 (TCVN 9014:2011)
	Màu Sắc Colour	XANH - ĐỎ BLUE - RED
	Độ Dày Thickness	250~300µm
Nhiệt Độ Làm Việc Working Temp	-10 ~ 80 °C	
Môi Trường Làm Việc Flow Media	Hệ Thống Nước / Water Systems	



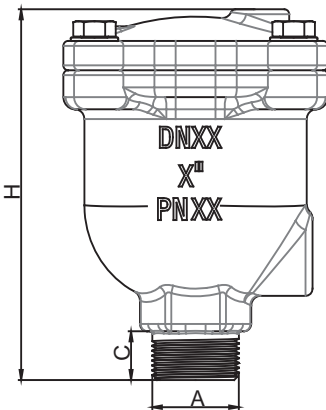
DETAIL DRAWING



PARTS LIST & MATERIAL

No	Part Name	Material	Material Code
1	Body	Ductile Iron	ASTM A536/EN GJS 500-7
2	Seat	Rubber	EPDM
3	Pin	Stainless Steel	ASTM A183 F304
4	Cover	Ductile Iron	ASTM A536/EN GJS 500-7
5	Small Nozzle	Stainless Steel	ASTM A183 F304
6	Hex Bolt	Stainless Steel	ASTM A183 F304
7	Washer	Stainless Steel	ASTM A183 F304
8	O-Ring	Rubber	NBR
9	Support Plate	Stainless Steel	ASTM A183 F304
10	Hex Bolt	Stainless Steel	ASTM A183 F304
11	Float	Stainless Steel	ASTM A183 F304

DIMENSION



DN	Model-Size	A	C	H
15	ARVT-0015	21	20	152
20	ARVT-0020	27	20	152
25	ARVT-0025	34	20	152

ORDER INFORMATION

ARVT - 0025 - 16 - D2B

① ② ③ ④

- ① **Product Code: ARVT**
- ② **Valve size - Kích thước:**
0025: DN25
- ③ **Pressure rating - áp lực:**
10: PN10 16: PN16
- ④ **D2: Ductile iron - Gang cầu**
B: Blue - Xanh
R: Red - Đỏ

